TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2026
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Ngô Thị Lắm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Thanh Nhàn;

2. Ông Tôn Phước Thuận.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 367/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 414/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 409/2025/QĐ-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Trúc G, sinh ngày 09/5/1996; địa chỉ: số D, tổ A, ấp A, xã A, tỉnh An Giang; số căn cước công dân 089196003058 ngày 16/12/2022 do Cục Cảnh sát quản hành chính về trật tự xã hội cấp (có mặt).

Bị đơn: Ông Trương Văn T, sinh ngày 06/7/1990; địa chỉ: số A, ấp T, xã C, tỉnh An Giang; số căn cước công dân 089090006275 ngày 18/10/2022 do Cục Cảnh sát quản hành chính về trật tự xã hội cấp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Trúc G trình bày:

Bà G và ông T do mai mối, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh An Giang (nay là xã C) vào năm 2023. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 07/8/2016 và Trương Khả Á, sinh ngày 08/4/2020. Hiện tại các cháu đang sống cùng với bà G.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không quan tâm đến vợ con, vấn đề kinh tế trong gia đình. Bà G và ông T không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2024 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà G yêu cầu ly hôn với ông T; yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Tờ tự khai, bản sao giấy khai sinh mang tên Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 07/8/2016 và Trương Khả Á, sinh ngày 08/4/2020; bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

- Bị đơn ông Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Trúc G vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trong gai đoạn chuẩn bị xét xử và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Trúc G đối với ông Trương Văn T; bà G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 07/8/2016 và Trương Khả Á, sinh ngày 08/4/2020; ông Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi dạy các con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Trúc G khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn T, ông T cư trú xã C, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trương Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị Trúc G khai, bà G và ông T do mai mối, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã C) vào năm 2023 nên quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà G xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không quan tâm đến vợ con, vấn đề kinh tế trong gia đình. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2024 cho đến nay, không tới lui thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà G và ông T phát sinh mâu thuẫn do vấn đề kinh tế trong gia đình, ông T không quan tâm đến vợ con và không còn sống chung từ tháng 6/2024 đến nay, không tới lui thăm nhau. Mặc khác, ông T cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu ly hôn của bà G. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà G và ông T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G đối với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà G xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 07/8/2016 và Trương Khả Á, sinh ngày 08/4/2020. Bà G yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung.

Xét thấy, cháu Lan A và cháu Á đang được bà G chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển tốt về thể chất và tinh thần, được tạo điều kiện học tập. Mặc khác, cháu Lan A có nguyện vọng sống cùng với bà G. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Lan A và cháu Á nên Hội đồng xét xử giao hai cháu cho bà G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà G không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Trúc G đối với ông Trương Văn T.

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Trúc G được ly hôn với ông Trương Văn T.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Trúc G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 07/8/2016 và Trương Khả Á, sinh ngày 08/4/2020. Ông Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi dạy 02 con chung.

Bà Huỳnh Thị Trúc G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trương Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Trúc G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007854 do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang cấp ngày 07 tháng 11 năm 2025. Bà Huỳnh Thị Trúc G đã nộp đủ án phí.

Ông Trương Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Phòng THADS khu vực 11 (1);
- Các đương sự;
- UBND xã Cù Lao Giêng (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Lắm